

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 29/11/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự về nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh
2. Bà Bùi Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/QĐST-DS ngày 25/10/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* M, sinh năm 1972 – có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn L – có mặt

Địa chỉ: AA đường Trần Ngọc Quế, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Bà O, sinh năm 1989 – có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Ngọc L1 – có mặt

Địa chỉ: Số bbb đường Nguyễn Tri Phương, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. *Người làm chứng:* Trần Thị Dung, Đỗ Thị Hiệp, Trần Thị O, Phạm Thị Kiều Tiên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn M trình bày: Từ năm 2019 đến năm 2021, bà có tham gia chơi hui do bà O làm chủ hui, các dây

hội mệnh giá từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, hội tháng. Bà tham gia tổng cộng 36 phần hội, đã hót 06 phần hội, còn 30 phần trong đó có 26 phần hội mệnh giá 1.000.000 đồng, 04 phần hội mệnh giá 2.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Đối với phần hội tháng 1.000.000 đồng:

1/ Dây hội mở ngày 20/6/2020 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hội có 25 thành viên, bà tham gia 06 phần, bà đã hót 01 phần hội còn nợ 08 lần hội chết, số tiền 8.000.000đồng. Còn 05 phần hội sống, bà đóng tổng cộng 82.500.000 đồng, trừ hội chết 08 triệu đồng, đầu thảo 2,5 triệu đồng, hiện O còn nợ bà 74.500.000 đồng. Bà không còn nợ O 8.000.000đồng như đơn phản tố.

2/ Dây hội mở ngày 15/7/2019 âm lịch, bà và O đã giải quyết xong. Cụ thể bà đóng được số tiền 28.500.000đồng đã trừ 1.000.000đồng tiền thiếu O trước đó, O còn thiếu bà 27.500.000 đồng. Sau khi trừ ấn, bà và O đã giải quyết xong dây hội này, không ai nợ ai.

3/ Dây hội mở ngày 30/8/2019 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hội có 33 thành viên, bà tham gia 06 phần, bà đã hót 01 phần hội còn nợ 06 lần hội chết là 6.000.000đồng. Còn 05 phần hội sống, bà đóng tổng cộng 148.500.000 đồng, trừ hội chết 06 lần hội chết số tiền 6.000.000đồng, trừ đầu thảo 2.5000.000đồng, hiện O còn nợ bà 132.500.000 đồng. Bà không còn nợ O 6.000.000đồng như đơn phản tố.

4/ Dây hội mở ngày 10/11/2019 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hội có 25 thành viên, bà tham gia 01 phần. Dây hội này bà chưa hót hội, bà đóng tổng cộng 18.500.000 đồng, hiện O còn nợ bà 18.500.000 đồng.

5/ Dây hội mở ngày 05/10/2020 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hội có 26 thành viên, bà tham gia 04 phần. Dây hội này bà chưa hót hội, bà đóng tổng cộng 46.000.000 đồng.

6/ Dây hội mở ngày 25/4/2020 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hội có 29 thành viên, bà tham gia 04 phần, bà đã hót 01 phần hội còn nợ 10 lần hội chết là 10.000.000đồng. Còn 03 phần hội sống, bà đóng tổng cộng 55.500.000 đồng, trừ hội chết 10.000.000đồng, đã trừ đầu thảo, hiện O còn nợ bà 45.500.000đồng. Bà không còn nợ O 10 triệu đồng như đơn phản tố.

7/ Dây hội mở ngày 10/3/2021 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hội có 31 thành viên, bà tham gia 03 phần. Dây hội này bà chưa hót hội, bà đóng tổng cộng 22.500.000đồng.

8/ Dây hội mở ngày 15/01/2021 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hội có 30 thành viên, bà tham gia 04 phần. Dây hội này bà chưa hót hội, bà đóng tổng cộng 34.000.000 đồng.

Đối với phần hội tháng 2.000.000 đồng:

1/ Dây hội mở ngày 20/3/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, hội có 19 thành viên, bà tham gia 03 phần. Dây hội này bà chưa hót hội, bà đóng tổng cộng 45.000.000 đồng.

2/ Dây hụi mở ngày 30/11/2020 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, hụi có 18 thành viên, bà tham gia 01 phần. Dây hụi này bà chưa hốt hụi, bà đóng tổng cộng 21.000.000 đồng.

Lý do M khởi kiện: Các dây hụi nêu trên chưa mãn nhưng do O tuyên bố đình hụi ngày 20/10/2021 âm lịch cho đến nay không thu hụi, bà đã nhiều lần yêu cầu O trả lại số tiền hụi đã đóng nhưng O không đồng ý, gia đình O có dấu hiệu tẩu tán tài sản như chuyển toàn bộ phần đất do O đứng tên sang cho mẹ O (bà đã làm đơn ngăn chặn), vợ chồng O tháo dỡ nhà cửa lúc đêm khuya. Khi làm đơn khởi kiện bà đã trừ số tiền hụi chết đã nợ O là 30.000.000 đồng (không phải 25.000.000 đồng như đơn phản tố của O). Nay bà yêu cầu bà O phải trả tổng số tiền nợ 432.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng bị đơn bà O có người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Ngọc L1 trình bày: O không thống nhất với phần trình bày của bà M về số tiền nợ hụi mà O còn nợ. Tổng số tiền M đóng cho O là 278.230.000 đồng. Đồng thời, O có yêu cầu phản tố đối với M với số tiền 25.000.000 đồng. Như vậy, sau khi khấu trừ O chỉ còn nợ M số tiền 253.230.000 đồng. Tuy nhiên, các chung hụi M tham gia còn hoạt động chưa mãn nên bị đơn chưa đồng ý trả hụi cho nguyên đơn.

Quá trình tố tụng bà O trình bày: M đóng tổng cộng cho bà số tiền hụi là 272.000.000 đồng và bà đồng ý trả số tiền này cho M.

Tại phiên tòa luật sư Phạm Văn L trình bày: Bà M yêu cầu bà O phải thanh toán cho bà số tiền nợ hụi 439.500.000 đồng nhưng do tại phiên tòa M và O đã thỏa thuận, thống nhất số tiền O phải thanh toán cho M là 365.000.000 đồng. Xét đây là ý tự nguyện của hai bên không trái với đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của hai bên. Đồng thời, M có yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2022 đối với các tài sản do bà O đứng tên cho đến khi O thanh toán hết nợ cho M.

Tại phiên tòa bà Võ Thị Ngọc L trình bày: Bà O đồng ý trả số tiền 365.000.000 đồng cho bà M và rút lại yêu cầu phản tố ngày 14/7/2022 đối với bà Trần Thị Mai. Nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên Tòa: Bà O đồng ý trả số tiền 365.000.000 đồng cho bà M và rút lại yêu cầu phản tố ngày 14/7/2022 đối với bà Trần Thị M. Đồng thời, O yêu cầu hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các tài sản do bà đứng tên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người làm chứng vắng mặt nhưng xét thấy lời khai của họ đã thể hiện rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bà O có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ hụi

365.000.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, bằng hình thức phong tỏa tài sản do bà O đứng tên. Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 19/7/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà O đối với bà M. Về án phí dân sự bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2022, nguyên đơn bà M yêu cầu bị đơn O phải trả cho nguyên đơn số tiền hui là 491.500.000đồng. Đến ngày 04/8/2022, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn O trả số tiền 432.500.000 đồng (Do nguyên đơn cộng số hui có sai sót). Việc M khởi kiện, phía bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Xét đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự về nợ hui” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Đối với những người làm chứng Trần Thị Dung, Đỗ Thị Hiệp, Trần Thị O, Phạm Thị Kiều Tiên vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai rõ ràng nên căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa bà M và bà O có thỏa thuận hợp đồng góp hui, nội dung thỏa thuận bà O làm chủ hui có trách nhiệm thu các phần hui do hui viên đóng và giao các phần hui đó cho hui viên được hốt cho tới khi kết thúc hui. Kỳ khai hui mỗi tháng khai 01 lần, người nào bỏ thăm cao nhất sẽ được hốt hui. Nay M cho rằng các dây hui bà O đã tuyên đình hui vào ngày 20/10/2021 âm lịch, không khai hui, không giao tiền hui. M đã nhiều lần yêu cầu O trả lại số tiền hui đã đóng nhưng O không đồng ý.

Tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể bà O đồng ý trả cho bà M số tiền 365.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn rút yêu cầu phản tố đối với bà M nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[5] Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời: Bà M tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2022 đối với các tài sản do bà O đứng tên, phía O không đồng ý, O yêu cầu hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Xét thấy đây là tài sản duy nhất để bảo thi hành án cho M nên không có căn cứ để hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên.

[6] Đối với số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm của nguyên đơn: Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 19/7/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn O phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể: 365.000.000 đồng x 5% = 18.250.000đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Luật sư là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 229, Điều 246, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tổ tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP Nghị định về họ, húy, biêu, phườg
ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà O có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ hui 365.000.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà O chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, bằng hình thức phong tỏa tài sản sau đây:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất **số CY 350039** số vào sổ CS02335 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 05/10/2020 mang tên O, sinh năm: 1989, CMND số

36358379 với diện tích 1418,6m² thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Trường Hòa A, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CY 350040** số vào sổ CS02341 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 05/10/2020 mang tên O, sinh năm: 1989, CMND số 36358379 với diện tích 200,0m² thuộc thửa 201, tờ bản đồ số 08 đã chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Loan, Võ Thị Thùy Trang 89m² theo hồ sơ số 072254.CN.001 còn lại diện tích 111m² tọa lạc tại ấp Trường Hòa A, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CY 350041** số vào sổ CS02342 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 05/10/2020 mang tên O, sinh năm: 1989, CMND số 36358379 với diện tích 155,6m² thuộc thửa 119 (217), tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Trường Hòa A, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CY 350042** số vào sổ CS02337 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 05/10/2020 mang tên O, sinh năm: 1989, CMND số 36358379 với diện tích 352,2m² thuộc thửa 146 (219), tờ bản đồ số 08 đã chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Loan, Võ Thị Thùy Trang 132,3m² theo hồ sơ số 072258.CN.001 còn lại diện tích 219,9m² tọa lạc tại ấp Trường Hòa A, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Cho đến khi thi hành án xong cho bà M.

3. Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 19/7/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà O đối với bà M.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.830.000 đồng theo biên lai số 0011839 ngày 14/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Bà O tự nguyện chịu án phí dân sự là 18.250.000 đồng.

Bà O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng theo biên lai số 0012037 ngày 15/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, do bà O phải chịu án phí số tiền 18.250.000 đồng nên khấu trừ số tiền là 625.000 đồng bà O được nhận lại thành án phí. O còn phải nộp thêm số tiền 17.625.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á